

Số: 217 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực

hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 143/TTr-LĐTBXH ngày 19 tháng 8 năm 2022, Tờ trình số 175/TTr-LĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2022 và Báo cáo số 371/BC-LĐTBXH ngày 11 tháng 10 năm 2022; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg, Quyết định số 90/QĐ-TTg và các quy định khác liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về chương trình giảm nghèo bền vững, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác; giảm nghèo bền vững và hạn chế tái nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025.

b) Bố trí đầy đủ, kịp thời các nguồn lực để thực hiện hiện tốt các chế độ, chính sách, chương trình, dự án thuộc chương trình giảm nghèo. Lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, kế hoạch khác, đồng thời tăng cường huy động nguồn lực của cộng đồng, đặc biệt là nguồn lực của chính hộ nghèo, người nghèo để thực hiện giảm nghèo hiệu quả, bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, người nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

Phân đầu giảm 80% hộ nghèo A/trên tổng số hộ nghèo A đầu giai đoạn 2022 - 2025 (mỗi năm giảm từ 17% đến 35% hộ nghèo A). Bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách, dự án thuộc chương trình giảm nghèo theo quy định, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, hộ nghèo.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phân đầu số hộ nghèo A còn lại cuối năm 2025 còn dưới 20% so với tổng số hộ nghèo A đầu giai đoạn 2022 - 2025.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (chưa có việc làm) có nhu cầu làm việc được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia mua bảo hiểm y tế miễn phí 100%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo xuống dưới 4%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 90%.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt trên 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 25%; 100%

người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Trên 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 92% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng của Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: Đến hết năm 2025.

IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo ((Dự án 2 Quyết định số 90/QĐ-TTg) - Nội dung: dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các phòng, ban liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 40,5 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 24,3 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

- Vốn huy động hợp pháp khác: 16,2 tỷ đồng.

2. Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3 Quyết định số 90/QĐ-TTg)

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh.

+ Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc phòng chuyên môn khác) chủ trì, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 23,6 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 17 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 6,6 tỷ đồng.

b) Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai và đang cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đối tượng: Trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai và đang cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

- + Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 05 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

- + Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 05 đến dưới 16 tuổi).

- Phân công thực hiện:

- + Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

- + Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Y tế chủ trì, phối hợp các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn ngân sách tỉnh thực hiện: 6,37 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

3. Dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 Quyết định số 90/QĐ-TTg)

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo....

b) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

- Hỗ trợ giao dịch việc làm.

- Lồng ghép đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vào các đề án, chương trình đào tạo nghề.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 170,2 triệu đồng lồng ghép vào chương trình giải quyết việc làm hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6 Quyết định 90/QĐ-TTg)

a) Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

- + Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- + Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội theo Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2022 - 2025.

- Đối tượng:

- + Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- + Các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

- + Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- + Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thông tin cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phân công thực hiện:

- + Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

- + Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn ngân sách tỉnh thực hiện: 900 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình.

+ Các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa - Thông tin và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn ngân sách tỉnh thực hiện: 2,373 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Dự án 7 Quyết định số 90/QĐ-TTg)

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ ấp, khu phố, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, công tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

+ Các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn ngân sách tỉnh thực hiện: 2,440 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu vào phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn ngân sách tỉnh thực hiện: 1,193 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2022 - 2025 khoảng là 77.546.200.000 đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách tỉnh: 54,576 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

b) Vốn đối ứng, huy động, lồng ghép: 22,970.200 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn đối ứng, đóng góp: 22,800 tỷ đồng.

- Nguồn vốn lồng ghép các chương trình khác: 170,2 triệu đồng.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có giải pháp huy động nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách nhà nước thực hiện chương trình giảm nghèo bảo đảm hiệu quả.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động

thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên sử dụng nguồn lực tại địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

c) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã xây dựng và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

c) Lồng ghép nguồn lực thực hiện từ các chương trình mục tiêu quốc gia khác, các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội vào Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

a) Ban Chỉ đạo các cấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025.

b) Cơ quan tham mưu điều phối Chương trình

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan tham mưu điều phối Chương trình, có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức thuộc các phòng, ban chuyên môn tham mưu các nội dung liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 và giúp việc cho Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

c) Về cơ chế thực hiện

- Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho cấp huyện, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với một số dự án của Chương trình theo quy định.

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2022 - 2025 và hàng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra.

- Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Về công tác tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

b) Đổi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “tỉnh Đồng Nai không còn hộ nghèo”.

VII. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình giảm nghèo; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân

dân cấp huyện đề thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025.

c) Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2022 - 2025 và hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

d) Xây dựng phương án giao chỉ tiêu phần đầu giảm nghèo, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 2022 - 2025 để thực hiện Chương trình cho các huyện, thành phố gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành liên quan và các huyện, thành phố thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2022 - 2025 và hàng năm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

e) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thành phố hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình ở cấp huyện, cấp xã; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết giai đoạn 2022 - 2025 vào cuối năm 2025 và báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với nguồn vốn đầu tư công theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3. Sở Tài chính

Tùy theo tình hình ngân sách địa phương, Sở Tài chính phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan cân đối nguồn kinh phí thực hiện chương trình cho phù hợp. Hướng dẫn, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

4. Các sở, ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Hướng dẫn xây dựng, tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 và hàng năm giao cho các huyện,

thành phố thực hiện đối với dự án được giao phụ trách, tổng hợp kết quả thực hiện; gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

b) Lập kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 và hàng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

c) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

d) Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương.

đ) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

h) Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

5. Các sở, ban, ngành tham gia thực hiện Chương trình

Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình giảm nghèo với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp.

6. Các cơ quan thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo, thành lập Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia và đơn vị giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo nguyên tắc, yêu cầu như đối với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 tại địa phương.

b) Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2022 - 2025 và hàng năm trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm các nội dung: Kế hoạch thực hiện Chương trình, dự kiến kinh phí và gửi cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần, cơ quan chủ trì quản lý Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định.

c) Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác thực hiện Chương trình.

d) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

đ) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

e) Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao. Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025; đề nghị các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) *trước ngày 10/12* hàng năm để tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Y tế;
 - Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - Chánh, PCVP. UBND tỉnh (VX);
 - Đài PT-TH ĐN, Báo ĐN;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Lưu: VT, KTN, KTNS, KGVX (Vũ, Sang, Tân).
- <Tannd T10.2022>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHEO BỀN VỮNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT		Các dự án	Tổng	Trong đó		Giai đoạn 2022-2025					Đơn vị tính: Đồng
				Ngân sách nhà nước	Kinh phí huy động, góp vốn, lồng ghép....	2022	2023	2024	2025		
1		2	3 (4+5+6+7)		4	5	6	7			
I		Dự án 01: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Dự án 2 Quyết định số 90/QĐ-TTg)	40.500.000.000	24.300.000.000	16.200.000.000	5.500.000.000	13.333.333.333	11.666.666.667	10.000.000.000		
		Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)									
1		Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	24.300.000.000	24.300.000.000		3.300.000.000	8.000.000.000	7.000.000.000	6.000.000.000		
2		Hộ dân tham gia góp vốn, ngày công...	16.200.000.000		16.200.000.000	2.200.000.000	5.333.333.333	4.666.666.667	4.000.000.000		
II		Dự án 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3 Quyết định số 90/QĐ-TTg)	29.970.000.000	23.370.000.000	6.600.000.000	2.768.235.294	9.819.411.765	10.029.411.765	7.352.941.176		
I		Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	23.600.000.000	17.000.000.000	6.600.000.000	1.388.235.294	8.329.411.765	8.329.411.765	5.552.941.176		
1.1		Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	17.000.000.000	17.000.000.000		1.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	4.000.000.000		
1.2		Tổ chức, hộ dân tham gia góp vốn, ngày công	6.600.000.000		6.600.000.000	388.235.294	2.329.411.765	2.329.411.765	1.552.941.176		
2		Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Sở Y tế)	6.370.000.000	6.370.000.000	0	1.380.000.000	1.490.000.000	1.700.000.000	1.800.000.000		
2.1		Ngân sách tỉnh phân cho Sở Y tế	1.170.000.000	1.170.000.000		280.000.000	290.000.000	300.000.000	300.000.000		

TT	Các dự án	Tổng	Trong đó		Giai đoạn 2022-2025			
			Ngân sách nhà nước	Kinh phí huy động, góp vốn, lồng ghép....	2022	2023	2024	2025
2.2	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	5.200.000.000	5.200.000.000		1.100.000.000	1.200.000.000	1.400.000.000	1.500.000.000
III	Dự án 03: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4 Quyết định số 90/QĐ-TTg) - Nội dung: Hỗ trợ việc làm bền vững (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	170.200.000	0	170.200.000	34.000.000	41.400.000	45.800.000	49.000.000
I	Kinh phí lồng ghép trong chương trình giải quyết việc làm cấp cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	170.200.000	0	170.200.000	34.000.000	41.400.000	45.800.000	49.000.000
IV	Dự án 04: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6 Quyết định số 90/QĐ-TTg)	3.273.000.000	3.273.000.000	0	123.000.000	950.000.000	1.050.000.000	1.150.000.000
I	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông)	900.000.000	900.000.000			200.000.000	300.000.000	400.000.000
	Ngân sách tỉnh phân cho Sở Thông tin và Truyền thông	900.000.000	900.000.000			200.000.000	300.000.000	400.000.000
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	2.373.000.000	2.373.000.000	0	123.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
2.1	Ngân sách tỉnh phân cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	723.000.000	723.000.000		123.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
2.2	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	1.650.000.000	1.650.000.000			550.000.000	550.000.000	550.000.000
V	Dự án 05: Nâng cao năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo (Dự án 7 Quyết định 90/QĐ-TTg) (Sở LĐ-TBXH)	3.633.000.000	3.633.000.000	0	330.000.000	1.101.000.000	1.101.000.000	1.101.000.000
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực	2.440.000.000	2.440.000.000	0	250.000.000	730.000.000	730.000.000	730.000.000

TT	Các dự án	Tổng	Trong đó		Giai đoạn 2022-2025			
			Ngân sách nhà nước	Kinh phí huy động, góp vốn, lồng ghép....	2022	2023	2024	2025
a	Ngân sách tỉnh phân cho Sở LĐTBXH	790.000.000	790.000.000		250.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
b	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	1.650.000.000	1.650.000.000			550.000.000	550.000.000	550.000.000
2	Tiểu dự án 2: Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá	1.193.000.000	1.193.000.000	0	80.000.000	371.000.000	371.000.000	371.000.000
2.1	Ngân sách tỉnh phân cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	203.000.000	203.000.000		80.000.000	41.000.000	41.000.000	41.000.000
2.2	Ngân sách tỉnh phân cho các huyện, thành phố	990.000.000	990.000.000			330.000.000	330.000.000	330.000.000
TỔNG CỘNG		77.546.200.000	54.576.000.000	22.970.200.000	8.755.235.294	25.245.145.098	23.892.878.432	19.652.941.176